

Bản án số: 34/2024/DS-ST

Ngày: 15/7/2024.

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà: Trần Thị Lệ.
- Ông: Nguyễn Quốc Tiến.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 67/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa 44/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị H**, sinh năm: 1967. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1028/20 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 2, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1976. (Vắng mặt)

Ông **Phan Long P**, sinh năm: 1976. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 102B đường Ngô Thời Nhiệm, khu phố 1, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và tại Biên bản hòa giải ngày 26/5/2023, ngày 29/8/2023, nguyên đơn bà **Trịnh Thị H** trình bày:

Vào khoảng năm 2018, bà H có tham gia chơi hụi do bà **Nguyễn Thị N** làm chủ, sau đó bà H hốt hụi được số tiền 229.300.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín

triệu ba trăm nghìn đồng). Bà N hỏi mượn lại bà H số tiền hốt hụi nói trên để giải quyết việc gia đình và hứa khoảng 01 tháng sau sẽ trả lại cho bà H nên bà H đồng ý.

Khi đến hạn trả nợ, bà H nhiều lần đến gặp bà N và chồng bà N là ông Phan Long P để yêu cầu trả số tiền nói trên, nhưng bà N và ông P chỉ hứa mà không trả. Đến ngày 20/6/2020 (tức ngày 03/4/2020 âm lịch), bà N có đến nhà gặp bà H và làm biên nhận nợ cho bà H hứa trả hàng tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, sau khi làm biên nhận nợ, một tháng sau bà H có đến nhà tìm bà N để yêu cầu trả nợ, nhưng bà N cứ lẩn trốn, trốn tránh trách nhiệm trả nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trịnh Thị H vắng mặt, nhưng có đơn xin vắng mặt và có ý kiến xác nhận vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị N và ông Phan Long P phải trả cho bà số tiền nợ vay là 229.300.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng) và lãi suất tính theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi xét xử.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Phan Long P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham gia tố tụng.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm:

- Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định. Đối với bị đơn thì chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về thời hạn xét xử vụ án, Tòa án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, cần khắc phục.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thì có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trịnh Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Phan Long P phải trả số tiền nợ vay là 229.300.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng) và lãi suất tính theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi xét xử. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Phan Long P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai

tại phiên tòa, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của bà N và ông P là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, đồng thời nguyên đơn bà Trịnh Thị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Trịnh Thị H và bị đơn bà Nguyễn Thị N, ông Phan Long P.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Trịnh Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị N và ông Phan Long P phải trả cho bà số tiền nợ vay là 229.300.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng) và lãi suất tính theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi xét xử. Hội đồng xét xử nhận định:

Trong Đơn khởi kiện, bà H trình bày số tiền 229.300.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng) mà bà N và ông P còn thiếu bà là tiền bà hốt hụi có được sau khi chơi hụi với bà N, và bà N hỏi mượn lại để giải quyết việc gia đình. Sau khi mượn, bà N có làm “Biên nhận” đề ngày 24/6/2020 (nhằm ngày 03/4/2020 âm lịch) xác nhận có nợ bà H số tiền 229.300.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng) và hứa hẹn xin trả hàng tháng theo thu nhập của bà N. Theo phía nguyên đơn trình bày thì Biên nhận này là do bà Nguyễn Thị N tự viết và ký tên. Đồng thời, quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Phan Long P không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ có liên quan đến vụ việc tranh chấp của hai bên, không đến Tòa án tham dự phiên tòa, và Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bà N và ông P đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ vào “Biên nhận” đề ngày 24/6/2020 (nhằm ngày 03/4/2020 âm lịch) để xác định bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Phan Long P có thiếu bà Trịnh Thị H số tiền **229.300.000 đồng** (Hai trăm hai mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng). Do phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết, nên phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N và ông Phan Long P phải trả số tiền nêu trên là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn: Bà Trịnh Thị H yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi xét xử vụ án. Do phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn, nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tính lãi luật trên số tiền vay là có cơ sở, nên được chấp nhận. Xét thấy, trong nội dung “Biên nhận” đề ngày 24/6/2020 (nhằm ngày 03/4/2020 âm lịch) không thể hiện lãi suất khi vay. Vì vậy, áp dụng khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì lãi suất được tính là 10%/năm, tương ứng là 0,833%/tháng, tiền lãi được tính cụ thể như sau:

- Từ ngày 24/6/2020 đến ngày 15/7/2024 (ngày xét xử) là 48 tháng 21 ngày: $229.300.000 \text{ đồng} \times 0,833\% \times 48 \text{ tháng} 21 \text{ ngày} = \mathbf{92.020.360}$ đồng (Chín mươi hai triệu không trăm hai mươi nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

Tổng cộng nợ gốc và lãi là: **321.320.360** đồng (Ba trăm hai mươi một triệu ba trăm hai mươi nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

[5] Về trách nhiệm liên đới của ông Phan Long P đối với số nợ 229.300.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng) mà bà N đã vay của bà H. Mặc dù ông P không có ký tên vào biên nhận mượn tiền, nhưng bà N và ông P là vợ chồng, đây là khoản vay trong thời kỳ hôn nhân và bà N xác định trong biên nhận mượn tiền là vay để lo việc gia đình, nên căn cứ vào Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc ông Phan Long P phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà Nguyễn Thị N.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị H được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị N và ông Phan Long P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch theo quy định của pháp luật là: $321.320.360 \text{ đồng} \times 5\% = \mathbf{16.066.018}$ đồng (Mười sáu triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm mười tám đồng).

Hoàn trả cho bà Trịnh Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.732.500 đồng (Năm triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007187 ngày 08/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Điều 351, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ: Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ: khoản 2 Điều 26, điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị H.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Phan Long P cùng liên đới trả cho nguyên đơn bà Trịnh Thị H số tiền vay nợ gốc và lãi là: **321.320.360** đồng (Ba trăm hai mươi một triệu ba trăm hai mươi nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Phan Long P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là: **16.066.018** đồng (Mười sáu triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm mười tám đồng)..

Hoàn trả cho bà Trịnh Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.732.500 đồng (Năm triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007187 ngày 08/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* **Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THSDA TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phương Thanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tiên

Trần Thị Lệ

Vũ Thị Phương Thanh

Rạch Giá, ngày 15 tháng 7 năm 2024

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 15 tháng 7 năm 2024.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: Trần Thị Lệ.

2. Ông: Nguyễn Quốc Tiến.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 67/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị H**, sinh năm: 1967. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1028/20 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 2, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1976. (Vắng mặt)

Ông Phan Long P, sinh năm: 1976. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 102B đường Ngô Thời Nhiệm, khu phố 1, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH

CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Hội đồng xét xử đồng thống nhất 3/3, quyết định:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Điều 351, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ: Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ: khoản 2 Điều 26, điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị H.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Phan Long P cùng liên đới trả cho nguyên đơn bà Trịnh Thị H số tiền vay nợ gốc và lãi là: **321.320.360** đồng (Ba trăm hai mươi một triệu ba trăm hai mươi nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Phan Long P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là: **16.066.018** đồng (Mười sáu triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm mười tám đồng)..

Hoàn trả cho bà Trịnh Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.732.500 đồng (Năm triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007187 ngày 08/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tiến

Trần Thị Lệ

Vũ Thị Phương Thanh

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THSDA TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Thị Phương Thanh